

## NHÂN VẬT HÒ TRONG GIAI THOẠI THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: qhuong08@gmail.com

*Ngày nhận bài: 7/6/2019; ngày hoàn thành phản biện: 17/6/2019; ngày duyệt đăng: 02/10/2019*

### TÓM TẮT

Nhân vật hò trong giai thoại Thừa Thiên Huế khá đa dạng, không thuộc riêng một tầng lớp, giới tính nào mà bao gồm tất cả những người tham gia vào cuộc hò, sử dụng lời hò để giao tiếp. Trong bài báo này, chúng tôi phân nhân vật hò thành hai loại, gồm: nhân vật hò không được định danh, nhân vật hò được định danh (nhân vật hò có tên riêng và nhân vật hò là nhân vật lịch sử). Họ có đặc điểm chung là thông minh, có khả năng ứng biến và hoạt ngôn. Đồng thời, hệ thống nhân vật hò cũng là minh chứng cho sự phổ biến của thể loại hò trong đời sống nhân dân Huế nói riêng và người Việt nói chung.

**Từ khóa:** Giai thoại, người nghệ sĩ hò, nhân vật, Thừa Thiên Huế

### 1. MỞ ĐẦU

Giai thoại là một thể loại khá thú vị trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam. Đã có khá nhiều nhà nghiên cứu nỗ lực để xác lập thể loại cho hệ thống văn bản đang đứng giữa lằn ranh nhòe mờ của truyền thuyết và truyện cười. Các văn bản này có những dấu vết của lịch sử như không gian xác định, thời gian xác định và đôi khi xuất hiện cả những nhân vật có thật trong lịch sử. Do vậy, người đọc hoàn toàn có thể truy nguyên nguồn gốc và phạm vi lưu truyền của văn bản. Tuy nhiên, câu chuyện được kể trong văn bản lại khó có thể minh định tính chính xác, tính “thật”. Hơn thế nữa, khác với truyền thuyết, các văn bản ấy đều ẩn chứa tính hài từ tình huống cho đến xây dựng nhân vật, điều đó kéo các văn bản đến gần với thể loại truyện cười hơn. Thế nên, nghiên cứu giai thoại là một hành trình cần được quan tâm và nhất thiết phải khẳng định những đặc điểm riêng của thể loại.

Đối với văn học dân gian Thừa Thiên Huế, hệ thống văn bản này lại sớm được các nhà nghiên cứu như Tôn Thất Bình, Triều Nguyên,... xếp riêng ở một thể loại: giai thoại. Tức là không mất quá nhiều thời gian để định danh thể loại cho văn bản giai thoại bởi những đặc điểm riêng biệt.

Theo Tôn Thất Bình, giai thoại Thừa Thiên Huế gồm: giai thoại về mẹ, giai thoại hò, giai thoại hát bội,... Trong bài báo này, chúng tôi chỉ tập trung vào một phần của giai thoại Thừa Thiên Huế, đó là: giai thoại hò, nghĩa là những văn bản giai thoại kể về các cuộc hò hoặc việc sử dụng hò (dân ca) như phương tiện giao tiếp. Và trong đó, bằng lý thuyết thi pháp học và các phương pháp thống kê, phân loại, phân tích, tổng hợp, chúng tôi đi sâu khám phá hệ thống nhân vật hò trong giai thoại để có thể nhận diện những lớp người tham gia vào hò dân gian, tính cách và tâm tư, cảm xúc của họ. Qua đó, bài viết góp phần khẳng định sức hấp dẫn của không chỉ thể loại giai thoại mà cả thể loại dân ca trong văn học, văn hóa dân gian nói chung.

Đồng thời, để bài báo có thể phần nào khu biệt đặc trưng riêng của thể loại giai thoại, trước khi đi vào phần trọng tâm của tiểu luận, chúng tôi muốn nhấn mạnh điểm khác biệt của giai thoại hò so với các chủ đề khác của giai thoại: Thứ nhất, theo chúng tôi, giai thoại hò ngoài việc thuật lại một câu chuyện thú vị, nhân vật có cá tính, tài năng trong cuộc hò thì còn như là một hình thức lưu truyền môi trường diễn xướng của hò dân gian và định hướng cách thức giải mã nội dung văn bản hò. Trong văn bản, với sự xuất hiện của không gian, thời gian và tình huống, người đọc hoàn toàn có thể tự tái hiện không gian diễn xướng. Chính điều này sẽ hỗ trợ để người đọc có thể hiểu rõ hơn được nội dung của các câu hò; Thứ hai, cùng một vài văn bản liên quan, giai thoại hò còn góp phần lý giải cho người đọc quá trình hình thành các dị bản của dân ca. Đây chính là những điểm khác biệt của giai thoại hò với các công trình sưu tầm hệ thống văn bản dân ca một cách riêng biệt. Vì vậy, giai thoại hò không chỉ giữ vai trò làm phong phú, đa dạng cho thể loại giai thoại mà còn có sự tương tác tích cực đến một thể loại dân gian khác: hò dân gian (một trong những dạng của dân ca ở các địa phương như ví dặm Nghệ Tĩnh, hát xoan Phú Thọ, quan họ Bắc Ninh,...). Bởi lẽ giai thoại hò là nhóm giai thoại mà ngoài tình tiết câu chuyện thì những câu hò đối đáp giữ vai trò chủ đạo.

Nhân vật hò được các tác giả dân gian phản ánh trong giai thoại khá đa dạng. Họ không thuộc riêng một tầng lớp, giai cấp hay lứa tuổi nào trong xã hội mà nhân vật hò bao gồm tất cả những người tham gia vào cuộc hò. Đặc điểm nổi bật nhất của nhân vật hò đó chính là khả năng ứng biến và hoạt ngôn. Các nhân vật dùng tài hò của mình để đối đáp, giao lưu với nhau.

## **2. NỘI DUNG**

Khảo sát giai thoại hò Thừa Thiên Huế, chúng tôi chia hệ thống nhân vật hò thành hai loại, gồm: nhân vật hò không được định danh, nhân vật hò được định danh. Trong đó, ở nhân vật hò được định danh, chúng tôi phân hai nhóm nhỏ: nhân vật hò có tên riêng và nhân vật hò là nhân vật lịch sử.

## 2.1. Nhân vật hò không được định danh

Nhân vật hò xuất hiện nhiều nhất có thể kể đến là các đôi trai gái. Họ dùng lời hò để nói lên suy nghĩ, tâm trạng của mình khi mới để ý, làm quen, tương tư, nghi ngờ, hay trách cứ khi tình yêu dang dở vì bội nghĩa, tham giàu sang, phú quý,...

Ở giai đoạn đầu tiên, chàng trai, cô gái mới chỉ để ý, ngó lơ xem ý tứ tình cảm của đối phương, giai thoại hò cho thấy có những câu chuyện nhằm lẫn, hay không “môn đăng hộ đối” cười ra nước mắt.

Tại cái khăn chéo hạnh kể về chàng trai để mắt đến một cô gái và dõi theo suốt cả ngày hội xuân nhưng cuối cùng mới biết rằng sự quan tâm của mình đã đặt nhầm người. Cô ấy đã có người đi hỏi, tuy vậy vẫn buộc khăn chéo hạnh như gái chưa chồng. Chàng trai hụt hẫng, buông lời khuyên cô gái: “Em có chồng rồi thì bớt sợi tóc mai,/ Bớt cái khăn chéo hạnh, kéo trai tơ làm” [6, tr. 224]. Đáp lời chàng trai, cô gái “ngoa ngạnh” [6, tr. 224]: “Trai làm trai phải mang gông,/ Cái khăn chéo hạnh của chồng em cho” [6, tr. 224]. Lý lẽ, thái độ bao biện ấy ngầm chỉ cô gái rất cá tính và láu lỉnh, chàng trai không muốn nói gì thêm nên bỏ đi.

Sự khác biệt về gia cảnh cũng là nguyên nhân khiến ý nguyện yêu đương của nhiều chàng trai không thể trở thành hiện thực ngay từ lời tỏ tình, ví như các giai thoại: *Cự tuyệt*, *Cái ve vàng*, *Số ở nhà lều*... Nhân vật hò xuất hiện trong *Cự tuyệt* là một anh học trò, dù bị cô gái chê là không xứng với cô, anh nhất quyết xin vào nhà cô ở rể. Cô gái đành dùng câu hò để thể hiện rõ thái độ chê bai chàng trai: “Cần trúc, ống trúc, chỉ lại tơ vàng,/ Mắc miếng môi tôm bạc, thả xuống, con cá nọ còn ngo; / Hướng chi anh cần tre chỉ vải, mà ngồi chờ cho uống công” [6, tr. 233]. Không dừng lại ở so sánh ví von chàng trai là “cần tre chỉ vải”, khi chàng trai muối mặt kiên trì, cô gái phải chốt hạ lạnh lùng: “Anh muốn câu mô, thì vác cần về/ Bến ni có thể quan đê: cấm câu!” [6, tr. 234]. Với hai từ “cấm câu”, chàng trai biết mình chẳng còn gì để hi vọng nên đành bỏ cuộc. Vừa nói thẳng ý tứ của mình vừa khôn khéo ẩn câu chuyện sau một câu chuyện câu cá với trường từ vựng liên quan đã phản ánh tài hoa của cô gái. Người đọc hoàn toàn có thể hiểu được vì sao chàng trai lại dành nhiều tình cảm như vậy cho cô gái. Còn nhân vật trong *Cái ve vàng* lại để mắt tới cô chủ nhỏ, sau rất nhiều lần nhớ nhung và kiếm chế tình cảm của mình, anh quyết tâm thổ lộ tình cảm. Tiếc thay, chàng trai không lọt mắt xanh cô gái nên cô chê anh là “chén ngang” [6, tr. 229]. Cô xuất thân là ngọc, cành vàng con nhà quyền quý, trong khi chàng trai chỉ là người làm thuê, cắt mướn. Nếu chàng trai trong hai giai thoại trên hiền lành, trọng tình cảm, chọn điểm dừng cho câu chuyện để tránh những tổn thương lớn hơn thì trong *Số ở nhà lều*, đối diện với cô gái kênh kiệu, chê tất cả các chàng trai trong làng và muốn lấy chồng giàu sang, quyền lực, chàng trai mượn lời tỏ tình để cho cô gái một bài học. Biết trước kết quả sẽ bị từ chối, có thuyết phục nữa cũng vô ích nên anh lên tiếng mỉa mai cô gái: “Số em quả thật số sang,/ Nhà nậy không ở, muốn nghênh ngang nhà lều!” [6, tr. 232], ngụ ý cô gái tham

vật chất mà bỏ cơ hội vợ cả, muốn chọn làm vợ lẽ. Có thể thấy, trong xã hội phong kiến, quan niệm đấng đố trong hôn nhân luôn là áp lực đè nén lên tình cảm của con người. Thường câu chuyện sẽ là cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy, không quan tâm đến cảm xúc của con cái nhưng với giai thoại, quan hệ “môn đấng hộ đố” lại xuất phát từ chính người trong cuộc, thậm chí là người con gái. Những giai thoại trên đã góp thêm một cái nhìn đa diện về người phụ nữ thời phong kiến, không còn một chiều là người phải hi sinh tình yêu vì sự gia trưởng của cha mẹ trong việc hôn nhân.

Trong giai đoạn ngộ ý này, *Nôốc sít mui gặp tay cán vá* lại đẩy chuyện tình của chàng trai bị sít môi, ở nôốc (thuyền không mui), trôi nổi trên sông phá với cô gái tay cán vá đến bến bờ hạnh phúc. Cô gái lúc đầu khi biết tình cảm của chàng trai, còn định “chọc tức cho anh bẽ mặt”: “Thương nhau côi đất thì kẻ Hán, người Hồ,/ Dem nhau xuống nước, thì không biết chỗ mô mà ngồi?” [6, tr. 235]. Chàng trai đã lấy chính khuyết điểm của cô gái để bộc bạch tấm chân tình: “Nghĩ em cũng đáng bạc anh tài,/ Nước sôi trong không chuyển, lửa thổi ngoài cũng không nao” [6, tr. 235]. Chính sự hiểu chuyện, tung hứng vào câu hò rất ẩn ý, lối nói hài hước và trân trọng của chàng trai: “Nôốc không mui, em chứ có phiền lòng,/ Miễn đôi ta thành đường chồng vợ, khi nó hóa chiếc tròng có mui” [6, tr. 235] đã làm cô gái ngã lòng, chấp thuận lời tỏ tình của chàng trai. Điểm đặc biệt của lời hò trong giai thoại này là chàng trai, cô gái đặt vấn đề rất thẳng, thật với nhau bằng những hình ảnh mang tính phái sinh cho thấy sự thông minh, óc liên tưởng phong phú của cả hai nhân vật.

Khi đã yêu nhau, mỗi lúc chia xa lại luyến lưu, không dứt, thậm chí chàng trai trong *Bạn culi nghèo viếng thăm* muốn về theo cô gái: “Mãn sở lô ca xoay qua ba lát./ Mãn ba lát rồi, cuộc gác rỏ treo;/ Em về, cho anh về theo,/ Thầy mẹ có hỏi, nói bạn culi nghèo viếng thăm” [6, tr. 224] (lô ca, ba lát là phiên âm từ tiếng Pháp: local, palace). Gặp nhau và nảy sinh tình cảm trong quá trình cùng làm đường sắt, đường nhựa, chia tay về quê, lời hò của chàng trai đã phá vỡ nhiều lần cản, nghi ngại và vượt quá mong chờ của cô gái. Giai thoại Thừa Thiên Huế có một số văn bản đề cập đến việc cô gái trót dại có thai và cách xử lý tình huống của đôi trai gái: *Đền nợ uống đắng ăn cay, Em an tâm về bẻ lá mua than...* Trong *Đền nợ uống đắng ăn cay*, được chị mở lời về đám cưới tân thời, lễ vật đơn giản “rượu hũ, trầu khay” [6, tr. 238] và lễ chạm ngõ bằng câu hò: “Anh tằm năm miếng trầu tinh khiết,/ Bỏ vô hộp thiếc đựng cần xà cừ;/ Anh mượn người mối lái cho tương tư,/ Thế mô chứ thế ni thầy mẹ cũng ù cho anh” [6, tr. 239], anh mừng lắm và vội về để lo mọi việc chuẩn bị. *Em an tâm về bẻ lá mua than* thì lại hoàn toàn khác, chàng trai than vãn vì cha mẹ ngăn cấm, miệng hứa “Anh nỡ lòng nào dứt tình bỏ bậu, để bậu thờ than một mình!” [6, tr. 239] nhưng lại “cút thẳng, bỏ mặc cô gái tự lo liệu với cái thai trong bụng” [6, tr. 239]. Gái chưa chồng mà có thai là vấn đề ít được văn học dân gian đề cập đến, nếu có thì là hoài thai thần thánh. Do đó, đây là nội dung khá mới mẻ của giai thoại, chứng tỏ thời điểm ra đời của các văn bản này gần gũi hiện đại hoặc con người được tự do trong hành trạng và ngôn luận hơn.

Đã yêu và hứa hôn, tâm tư của các nhân vật nam nữ trong giai thoại vẫn chưa dừng lại. Trong *Em đã ăn miếng trầu người*, đôi trai gái đã làm lễ hỏi nhưng vì nghi ngờ chị lãng nhăng với người đàn ông khác nên chàng trai giận hờn, anh hò cho chị hiểu tâm trạng của mình, chị cũng hò đáp lại để biện bạch và chứng minh sự hiểu nhầm của anh. Tuy vậy, ghen tuông làm chàng trai mờ mắt, không chịu hiểu lý lẽ, anh hò: “Em đã ăn miếng trầu người,/ Đi ra, răng lại vui cười với ai?” [6, tr. 240]. Nghe lời ấy, chị “ngước mặt lên trời mà than rằng: Trời cao chi lắm hỏi trời,/ Cho em kêu với đôi lời kéo oan!” [6, tr. 240]. Hành động và lời hò trên cuối cùng đã rung cảm được chàng trai, buộc anh phải tin vào lời của chị.

Một vài giai thoại Thừa Thiên Huế lại kể về những cuộc gặp gỡ nhiều tâm trạng giữa hai người đã từng yêu song giờ một người đã có gia thất, một người vẫn đang nuôi niềm tin vào lời hứa hẹn và đợi chờ. Cảm xúc chung của các cuộc gặp không hữu duyên ấy là giận hờn, trách cứ vì cảm giác bị phụ bạc: *Ai ở bạc, Có đôi, đây cũng ngồi hai đứa...* Ở *Lấy chồng làng xa*, chàng trai gặp lại người thương giờ đã lấy chồng làng khác nên hạch hỏi: “- Trai làng ở góa đang đông/ Ai cho em bận lấy chồng làng xa”, “Trai làng chê khó không dung/ Nên chi em phải lấy chồng làng xa”, “Trường em lấy đặng quan gia/ Ai ngờ nơi “mây chằm tre chẻ”, chi bằng bận trở lại lấy choa cho rồi”, “Anh có thương em, về kiếm cho được vảy lươn, xương ốc, rễ cột nhà/ Khi nó mới vô đây kết nghĩa giao hòa cùng em” [6, tr. 245].

Hình ảnh “vảy lươn, xương ốc, rễ cột nhà” lưu giữ ẩn ý của cô gái dành cho chàng trai về những điều không thể thành hiện thực với nhiều xót xa, luyến tiếc khiến lời hò cũng chua cay, gay gắt hơn.

Ngay cả lúc đã là vợ chồng, các nhân vật trong giai thoại cũng tiếp tục mượn câu hò để giải bày nỗi lòng. Trong *Chứa tạt ăn hàng của vợ*, người chồng biết vợ hay “lén chồng con ra quán ăn bát chè, tấm bánh” [6, tr. 244] nên tự nấu một nồi chè to, mọi người phải ráng ăn mới hết. Sau đó, anh dùng câu hò để nhắn nhủ vợ: “Thèm chè thì mua đậu mua đường về nấu mà ăn,/ Ăn rồi, mẹ ngủ con lăn;/ Ăn nghĩa chi ngoài quán, mỗi chén cũng chém phăng một tiền,/ Thâm thâm chi nhiễm, tự nhiên hết nhà” [6, tr. 244]. Từ đó, người vợ vì xấu hổ mà bỏ dần thói quen ăn hàng vặt. Hay ở *Tờ phân li dị cách*, hai vợ chồng cưới nhau được 6 năm mà mãi không có con. Người chồng nghe lời gia đình, quyết định viết giấy li hôn để cưới vợ mới nhằm kiếm đứa con. Vợ chồng vẫn còn tình cảm nên trên đường tiễn vợ về nhà mẹ, hai người mới trò chuyện với nhau và khi nghe người vợ hò “Em ra lấy chồng lục niên vô tử,/ Nay trở về trọn chữ “hồi gia”;/ Ví dù chàng có lòng sợ mộ, thì cũ người ta, mới mình!” [6, tr. 249], anh chồng nghĩ đến cảnh chị tái hôn với người khác, ghen và đau lòng, vội “nắm lấy tay vợ, kéo trở lại nhà” [6, tr. 249].

Bên cạnh những cảm xúc khi yêu, câu chuyện của các chàng trai cô gái trong giai thoại hò còn thể hiện tinh thần căm thù giặc và dành cảm tình yêu quý ruột thịt

cho những người kháng chiến. Ví dụ như *Trai con Hồng cháu Lạc, gái cũng cháu Lạc con Hồng*, thấy chàng trai vì lo cha già mà chưa tham gia khởi nghĩa chống Pháp (khi Pháp chiếm tỉnh thành Gia Định năm 1859) “Mối thù chung, ai không muốn trả?/ Cuộc gia đình nặng quá em ơi!/ Thân phụ già gần đất xa trời,/ Khác thế nào ngọn lá vàng buộc gió, không biết rơi lúc nào!”, cô gái lấy nghĩa đồng bào và tình yêu để nguyện quên việc nhà giúp anh: “Trai con Hồng cháu Lạc/ Gái cũng con Lạc cháu Hồng/ Giang sơn này gánh vác nào riêng?/ Anh xông pha giữa chốn trận tiền,/ Em ở nhà thay thế, cầm quyền cho anh!” [6, tr. 256]. Dẫu chỉ là nỗi niềm của chàng trai, cô gái nhưng những câu hò ẩn chứa tình yêu đất nước và sự đoàn kết một lòng của cả dân tộc trước cảnh kẻ thù hoành hành, xâm lược.

Ngoài ra, trong giai thoại Thừa Thiên Huế, nhân vật hò cũng xuất hiện cả quan lại như *Con lươn, con lạch tron lù lù*. Ở đó, vị quan này “dốt nát nhưng giỏi luôn lời nên vẫn được thăng tiến” [6, tr. 237], nhân gặp cảnh người dân nghèo đi xin tiền, ông lộ rõ sự khinh miệt qua câu hò: “Con mèo, con chó có lông,/ Ai mà đối đặng thì ông cho tiền” [6, tr. 237]. Ông không thể ngờ rằng trong đám người ăn xin đó lại có kẻ không những đối được câu hò của ông mà còn đối rất chặt chẽ và còn có hình ảnh ám chỉ con người của ông: “Con lươn, con lạch tron lù lù!/ Ông ra đi có võng, có dù,/ Có lính xách ráp, có phu ôm giày...” [6, tr. 237]. Là văn bản hiếm hoi quan lại trực tiếp lộ diện, âm hưởng chủ đạo lại là phê phán và châm biếm. Tuy nhiên, sự góp mặt của nhân vật hò quan lại đã minh chứng cho sự phổ biến của hò trong cộng đồng, từ người dân lao động bình thường cho đến quan lại đều sử dụng hò như một hình thức giao tiếp.

Nhân vật tham gia hò hầu hết đều là người am hiểu về nghệ thuật hò, vốn từ phong phú và có cả sự nhanh nhạy trong ứng đối. Bởi lẽ các câu hò được đối đáp chặt chẽ, cân xứng cả về hình ảnh lẫn trường từ vựng. Giao tiếp bằng câu hò đã phản ánh sự yêu thích hò dân gian của người Huế, hò gần gũi, thân thiết như là hơi thở của họ.

## **2.2. Nhân vật hò được định danh**

Trên cơ sở khảo sát các văn bản giai thoại, theo chúng tôi, nhân vật hò được định danh gồm có hai nhóm nhỏ: nhân vật hò có tên riêng và nhân vật hò là nhân vật lịch sử. Giai thoại ghi nhận cả hai dạng nhân vật này đều có thật trong lịch sử, người đọc có thể lần tìm danh tính và cuộc đời của họ. Song chúng tôi dùng cụm từ “nhân vật lịch sử” để định danh cho hai con người được tác giả dân gian ghi chép cẩn thận, đó là: Ứng Bình Thúc Giạ Thị và Thảo Am Nguyễn Khoa Vi. Ứng Bình là một hoàng thân nhà Nguyễn, yêu thích hát bội, hò dân gian và thơ. Ông đã cùng với người bạn thơ nổi tiếng Nguyễn Khoa Vi và một số bạn bè khác lập ra Hương Bình thi xã. Hai ông đã có nhiều đóng góp cho văn chương xứ Huế.

Trước tiên, *nhóm nhân vật hò có tên riêng*, gồm anh Long, chị Quy, thầy Diệt, thầy Ân.

Trong đó, anh Long và chị Quy là hai tay hò nổi tiếng, được giới thiệu rõ: “chị Quy người làng Cao Ban, anh Long người làng Thanh Phước, đều thuộc huyện Phong Điền” [6, tr. 264]. Trong cuộc hò ở làng Cao Xá và những cuộc hò giã gạo khác trong vùng, anh Long và chị Quy thường là cặp bạn hò với nhau. *Nhất sơ hiệu kí gặp trung tam hiệu kí* ghi lại đây đủ cuộc hò của họ ở làng Cao Xá từ lời chào ban đầu cho đến khi anh chị tấn công nhau đôn dập bằng chữ nghĩa và kết thúc bởi những tiếng vỗ tay tán thưởng của bạn bè, người xem. Sự thông minh và kiến thức sâu rộng của anh Long, chị Quy được hé lộ dần theo từng câu hò, nhạy hiểu ý, cách chọn và dùng từ để đối đáp và lẩn lướt đối phương, ví như: sự dụng lối nói lái “Bên thiếp tứ linh trung tam hiệu kí, thì chàng đây chính thiết giao cốt hóa long./ Thiếp quả là rùa thì cũng phải cong lưng cho hạc đậu, chứ cậy tài chi qua [*qua chi – NTQH*]” [6, tr. 262], “Thiếp với chàng đồng hàng trong bộ tứ linh./ Chàng nhất sơ hiệu kí, thì thiếp cũng trung tam hiệu kí,/ cách nhau con số nhị chứ chẳng phải bao xa;/ Rúa mà chàng mềm loa mép giải, động cập đến mẹ cha;/ Buộc lòng thiếp đây phải nói lại: chứ mong la [*lạ mong - NTQH*] chi chàng nờ” [6, tr. 262] hay dùng chữ nghĩa “Con ngựa ô uống hồ nước mà,/ Con gà cồ ăn cả vườn kê;/ Trai nam nhon đối đặng, thiếp chịu về tay không” [6, tr. 263], “Con voi ăn trên đèo Phước Tượng,/ Con vịt ở dưới suối, áp nước thủy tinh; Trai nam nhon đối đặng, sợ thiếp chẳng chung tình với anh” [6, tr. 263].

Còn thầy Diệt cũng là người nổi danh giỏi ứng đối, trước sự trêu chọc của một cô gái về việc thầy bị rỗ “Rỗ sanh rỗ sít, rỗ rịt tám tầng,/ Ai thương chi rỗ, rỗ lần tới đây?” [6, tr. 265], thầy đã điềm nhiên đáp trả: “Em oi, chớ thấy rỗ mà phiền,/ Một rỗ một tiền, cũng được một quan” [6, tr. 266]. Nghe câu chuyện “rỗ tiền” của thầy Diệt, chị Quý biết thầy muốn làm rể đất Cao Ban nên nhiều lần mượn câu hò và những món chơi thầy thích (cờ oi, cờ quân, bài kiệu) để trêu thầy: “Em bắt bộ tứ quý đỏ, bộ ba lát, êm đã quá êm,/ Người ngồi thứ hai vạ ra số bốn, em lại bắt thêm con tướng điều”, “Bên chàng hai hàng suốt triệt, bên thiếp cũng suốt triệt hai hàng,/ Thiếp thua chàng con rác, cho chàng ăn đi” [6, tr. 267]. Sau những lần không thể hò đáp, thầy Diệt vừa thấy chị Quy đã cất tiếng hò và đi ngay “Lần này hạc lại gặp quy/ Xin quy ở lại, hạc đi châu trời!” [6, tr. 267], không để chị kịp lên tiếng.

Trong khi đó, thầy Ân lại là một người chủ hò tiệm ở chợ mới Lương Văn (thuộc huyện Hương Thủy, nơi thường tổ chức các cuộc chơi “bài tiệm”). Trong một lần thầy Ân ra lời hò để mọi người đoán tên quân bài trong bộ bài tới “Dưới gỏi thơ lên, trên gỏi thơ xuống,/ Đang ăn đang uống, bỏ đũa xem thơ;/ Hai hàng nước mắt chạm tờ,/ Duyên chàng nợ thiếp ai ngờ mà xa”, bác Thái ở Thần Phù lập luận đôi lứa yêu nhau mà mỗi người mỗi nơi nên mua vé quân Trường Hai. Thế nhưng, mớ quân bài tiệm thì lại là quân Liễu (ý tình duyên đã kết thúc, đã hết tất cả rồi), bác giận mãi cho đến lúc nghe thầy Ân giải thích: “Bài tiệm mà bác! Tiệm là gần, là tạm, tạm tạm thôi. Nếu không vậy thì nhà cái “sập tiệm”, còn đâu cho bác chơi” [6, tr. 268], “Trúng thì như thi đậu, rui có trật, cũng tựa việc mua chuyện hò (mà) ru con!” [6, tr. 268].

Hò đối đáp ở những nhân vật như một cuộc cạnh tranh khốc liệt để bộc lộ tài năng, cá tính của mỗi người hay một cuộc chơi vì sự tồn tại của nhà cái. Vì vậy, bên cạnh việc giúp nhận diện được cái tài và tính cách của những người tham gia cuộc hò rất rõ, giai thoại cũng hỗ trợ người đọc hiểu hơn về nội dung các câu hò.

Thứ hai, *nhân vật hò là nhân vật lịch sử*. Không ít giai thoại nói đến hai nhân vật nổi tiếng “gà” bài trong các cuộc hát hò: Ứng Bình Thúc Giạ Thị và Thảo Am Nguyễn Khoa Vi. Chỉ một đôi câu tự nói về mình, Ứng Bình cũng đã bộc bạch cạnh kẽ sự yêu thích ông dành cho hò hát: “Vĩ Dạ thôn có lão vương tôn Thúc Giạ/ Ứng ca, ứng hát, ứng già gạo hò khoan/ Ham vui điệu cổ thi đàn/ Nghe câu tuyệt xướng muôn vàng cũng mua” [6, tr. 413]. Cả Ứng Bình Thúc Giạ Thị và Thảo Am Nguyễn Khoa Vi đều lấy hò làm thú vui.

Trong *Câu hò về chén bánh canh Nam Phổ*, Ứng Bình đã cho cô con gái là Hỷ Khương học thuộc lòng hai bài hò về bánh canh Nam Phổ. Hai bài hò ấy qua giọng hò của Hỷ Khương đã khiến trong đó chị bán bánh canh “lặng người trong giây lát vì được khách hàng tỏ lòng yêu quý” [6, tr. 274] và tấm tắc “Giá mọi người đều được nghe câu hò này, thì gánh bánh canh của chị chỉ một loáng là cạn nồi ngay” [6, tr. 275]: “Giá giọng hoàng oanh, kêu chị bán canh Nam Phổ,/ Cho em biết tên biết họ, biết cửa ngõ, biết nhà;/ Biết thêm nẻo lại, đường qua,/ Em học nghề giáo bột, rải nhụy hoa tươi màu” [6, tr. 274], “Mời chị, mời anh chén bánh canh Nam Phổ,/ Xoi vô khỏe cổ, có chất bổ, có mùi hương;/ Lại thêm mát mẻ can trường,/ Sâm Cao Li cũng sút, rượu quỳnh tương cũng không bì” [6, tr. 274].

Ứng Bình dân dã khi quan tâm đến chị bán bánh canh và tặng chị lời mời về món ngon được miêu tả tinh tế, ca ngợi hết lời, hay mùi lòng trước cảnh người vợ quê đi thăm nuôi chồng ở tòa khâm sứ (*Cơm độc lập, nước tự do*). Ứng Bình còn soạn lời hò tặng người bạn là nhạc sĩ, viện trưởng Nguyễn Hữu Ba để giúp Tì bà viện quảng bá trong *Câu hò tặng Tì bà viện*, sáng tác 12 lời hò để động viên nhân dân học chữ quốc ngữ trong *Cổ động học chữ quốc ngữ* hoặc gà bài cho các nghệ nhân hò trong những cuộc hò do thi xã Hương Bình tổ chức (*Gà sẵn những lời “hò mời”*)

Trong số các giai thoại hò liên quan đến Ứng Bình Thúc Giạ Thị, *Ai là ai trong hai lời hò* là văn bản giúp người đọc được biết về nhân vật phía sau đại từ “ai” trong hai bài hò nổi tiếng của ông. Thúc Giạ nói với cô con gái Hỷ Khương từ “ai” trong bài “Chiều chiều trước bến Văn Lâu,/ Ai ngồi, ai câu, ai sâu, ai thắm,/ Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông... Thuyền ai thấp thoáng bên sông,/ Đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non” chính là từ sự kiện “có tin vua Duy Tân thường giả dạng thường dân ra ngồi câu cá ở Phú Văn Lâu, chờ gặp Trần Cao Vân để mặt bàn chuyện quốc sự” [6, tr. 277]. Ông còn dùng đại từ phiếm chỉ này để ngầm chỉ Đào Duy Từ trong lời hò “Khi trông lên đò Trạm,/ Khi ngó xuống lũy Thầy; Đố ai có biết dạ này thương ai?” [6, tr. 277]. Giai thoại *Ai là ai trong hai lời hò* chính là gợi ý để tường giải văn bản hò từ chính người sáng tác.



Những giai thoại về Thảo Am Nguyễn Khoa Vi, phần lớn cho thấy tình bạn đẹp của ông và Ứng Bình như một bài thơ tâm đầu ý hợp được góp nên từ tám câu thơ của hai ông (*Hai nhà thơ, một lời hò*) hay Nguyễn Khoa Vi viết văn tế sống và tặng Ứng Bình câu đối nhân tuổi 75 của ông (*Văn tế sống Ứng Bình*). Đặc, biệt, đôi bạn trong *Thiếu tình yêu, thiếu tiền tiêu* đi mượn tiền để giúp một tình nhân cũ thời trai trẻ của Ứng Bình lúc túng bấn, trên đường đến Nhà xuất bản Tân văn hóa, Thảo Am ứng khẩu: “Qua gặp em buổi mai, em nói thiếu tình yêu,/ Lại gặp em buổi chiều, em nói thiếu tiền tiêu;/ Ngày xuân em hãy còn nhiều,/ Biết bao nhiêu là buổi mai chiều nữa em ơi” [6, tr. 282]. Câu chuyện về cô gái nọ và lời hò mái đẩy “tức cảnh” của Thảo Am đã được mọi người tán thưởng và ứng 30 đồng cho hai ông.

Ngoài ra, thời gian cầm trịch ở Hương Bình thi xã, Thảo Am cũng nổi tiếng “thầy gà” cho các phe nam nữ trong các buổi thi hò giã gạo. Trong *Chữ ông có cái quéo*, buổi thi đó có một vị quan lớn khét tiếng về sự nhanh chóng giàu sang, ông ta đặt thêm giải thưởng nên không khí hò càng trở nên sôi nổi. Thảo Am vừa thầy gà cho bên nữ rồi lúc sau lại gà bài cho bên nam nên cả 2 lời hò của nam nữ lúc ấy đều là của ông: “Anh ơi anh, tiếng đồn anh hay chữ,/ Em xin hỏi thử cho thông:/ Thánh hiền xưa đặt chữ công,/ Tại sao có cái quéo trong lòng làm chi?” [6, tr. 280], “Em ơi em, thánh hiền xưa đặt chữ công/ Trong lòng có cái quéo/ Đó là nơi lắt léo, khôn khéo của thánh hiền/ Phải cho có kinh nghiệm em hiểu liền chữ công” [6, tr. 424]. Lời đối đáp này ngoài vẻ hài hước đố về chữ, ẩn giãi bên trong sự châm biếm thói luồn lách, khôn khéo để thăng quan tiến chức của quan lớn. Hay giai thoại *Cấm và cứ*, cảm tấm chân tình của người bạn Quý Ưu, đạp xe bảy tám cây số, đến thăm nhà dù thời điểm đó sinh hoạt của thi xã phải ngừng, thi hữu ít lui tới do phong trào “chống Cộng, tố Cộng” của Ngô Đình Diệm, Thảo Am sáng tác lời hò: “Cấm/ Cấm ăn, cấm nói, cấm hỏi, cấm chào,/ Cấm người qua lại xông xáo; Mở miệng cười thì ngậm lại, nước mắt trào thì nuốt đi/ Cứ/ Cứ lui, cứ tới, cứ đợi, cứ chờ,/ Cứ bền lòng giữ dạ tóc tơ;/ Con dã tràng xe cát, có bao giờ kể công?” [6, tr. 281-282]. Những giai thoại này cho thấy Thảo Am vừa giỏi ứng đối, vừa là người trọng tình nghĩa. Ông còn là người không coi trọng chức tước, điều này phản ánh khá cụ thể trong câu hò ông tặng mẹ Bảo Hiền (cháu nội vua Thành Thái): “Sắn khoai lắm lúc giúp kẻ đói;/ Thị Hường mấy thuở đỡ ai no!” [6, tr. 281] bởi mẹ con cháu hoàng tộc nhưng vẫn chịu khó trồng trọt để tự lo đời sống của gia đình.

Tính cách của hai nhân vật được giai thoại khắc họa rõ nhất là sự hài hước, yêu đời và yêu thích hò hát. Những sáng tác của Ứng Bình và Thảo Am đều có châm biếm quan lại hay nhân tình thế thái thì cũng rất nhẹ nhàng, khéo léo.

### 3. KẾT LUẬN

Giai thoại hò Thừa Thiên Huế, ngoài việc tái dựng môi trường diễn xướng của hò dân gian, hỗ trợ giải mã các văn bản hò, đã chỉ ra sự phong phú trong thành phần

*Nhân vật hò trong giai thoại Thừa Thiên Huế*

cá nhân tham gia các cuộc hò hoặc sử dụng lời hò, cũng như khắc họa tính cách, cá tính của những nhân vật đó. Với những tình huống được giai thoại kể lại, nhân vật tự bộc lộ qua mỗi lời hò được họ sáng tác bởi đó không phải đơn thuần là lời hò độc lập mà là phương tiện để giao tiếp. Họ thông minh, nhanh nhạy trong ứng đối, có vốn từ đa dạng, kiến thức nền về văn hóa, đời sống vững vàng. Do vậy, nhân vật hò trong giai thoại hò Thừa Thiên Huế vừa có nét riêng vừa ổn định đặc điểm chung của giai thoại Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Tôn Thất Bình (1998), *Tổng tập văn học dân gian Thừa Thiên Huế*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [2]. Tôn Thất Bình (2004), *Nụ cười xứ Huế*, NXB Thuận Hóa, Huế.
- [3]. Lê Văn Chương (2010), *Đặc khảo văn học dân gian Thừa Thiên Huế*, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
- [4]. Bùi Minh Đức (2004), *Từ điển tiếng Huế*, NXB Văn học, TP Hồ Chí Minh.
- [5]. Nguyễn Thị Bích Hà (2013), *Giai thoại – Một thể loại văn học dân gian*, <http://nguvan.hnue.edu.vn/Nghiencuu/Vanhocdangian/tabid/99/newstab/55/Default.aspx>
- [6]. Triều Nguyên (2010), *Tổng tập văn học dân gian xứ Huế*, tập 2, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

## MINSTREL CHARACTER IN THE ANECDOTE OF THUA THIEN HUE

**Nguyen Thi Quynh Huong**

Faculty of Literature and Linguistics, University of Sciences, Hue University

Email: qhuong08@gmail.com

### ABSTRACT

Minstrel character in Thua Thien Hue anecdote are quite diverse, not belonging to any particular class, gender, but including all of the participants in the Hue's eisteddfod, using lyrics of folk-songs to communicate. In this paper, we split the minstrel characters into two categories, including unidentified minstrel characters, identified minstrel characters (minstrel with personal names and minstrel are historical figures). They have common characteristics that are intelligent, capable of improvisation and rich vocabulary. The system of minstrel characters is also a

testament to the popularity of the folk-songs genre in Hue people's life in particular and Vietnamese people in general.

**Keywords:** Anecdote, Character, Minstrel, Thua Thien Hue.



**Nguyễn Thị Quỳnh Hương** sinh ngày 18/10/1982 tại Thành phố Huế. Năm 2004, bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Văn học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2009, bà tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam tại Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2017, bà bảo vệ luận án tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Từ năm 2008 đến nay, bà giảng dạy tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

*Lĩnh vực nghiên cứu:* Văn học dân gian, Văn học Việt Nam

